

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/DS-ST
Ngày: 15-5-2024
V/v “Tranh chấp dân sự - Hợp
đồng vay tài sản, hợp đồng bảo
lãnh”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Hoa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Quốc Tiến**
2. Bà **Võ Thị Diệp**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh:** Bà **Phan Thị Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 874/2023/TLST- DS, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 169/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 22/TB-TA ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lâm Thanh H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ E, Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện hợp pháp của ông H là chị **Phan Thị Thảo Q**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số B, Quốc lộ C, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2024.

- Bị đơn:

1. Ông **Trần Bá P**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà **Lâm Thị Ngọc L**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Tất cả đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Lâm Thanh H là chị Phan Thị Thảo Q trình bày:

Bà Lâm Thị Ngọc L là chị ruột ông Lâm Thanh H. Chị Huỳnh Ngọc T là cháu ông H. Ông Trần Bá P không có quan hệ bà con quen biết với ông H.

Cha mẹ ông H chết để lại đất cho ông H và anh chị em khác trong nhà (trong đó có bà L) mỗi người đều có đất đứng giấy tờ riêng. Đất cha mẹ để lại cho ông H thì ông H chỉ làm lúa chứ không làm ăn lớn nên vẫn còn của ông H. Tuy nhiên, bà L làm ăn thất bại không còn vốn.

Năm 2017, bà L, chị T cần tiền nên nhờ ông H thế chấp đất của ông H vay tiền ở ngân hàng đưa bà L, chị T mượn làm ăn. Ông H đồng ý vay tiền giùm. Tiền vay ở ngân hàng T4 600.000.000 đồng, bà L cầm tiền 600.000.000 đồng rồi đưa chị T 300.000.000 đồng, bà L đưa ông H 50.000.000 đồng, bà L giữ 250.000.000 đồng (ông H không trực tiếp nhận tiền mà bà L nhận tiền, cầm tiền ở ngân hàng rồi mới đưa ông H 50.000.000 đồng).

Đến ngày đáo hạn ngân hàng năm 2020, ông H đưa bà L 50.000.000 đồng phần của ông H nợ, còn bà L với chị T tự kiếm tiền 550.000.000 đồng (bà L 250.000.000 đồng, chị T 300.000.000 đồng) trả lại ngân hàng. Phần ông H nợ 50.000.000 đồng thì ông H đưa bà L để trả ngân hàng rồi, ông H không còn nợ gì hết. Còn bà L mượn tiền của ông Trần Bá P để trả ngân hàng 600.000.000 đồng. Ông P đưa tiền cho bà L trả cho ngân hàng để ông H lấy bằng khoán của ông H ra ông H giữ. Bà L mượn tiền của ông P thì ông H không biết, ông H không mượn tiền của ông P.

Bà L, chị T không có tiền trả ông P. Bà L, chị T, ông P quay lại kêu ông H phải lấy bằng khoán của ông H vay lại ngân hàng 600.000.000 đồng để trả ông P. Ông H không đồng ý trả tiền cho ông P vì ông H không có mượn tiền của ông P thì ông P nói ông P là giang hồ thua đâu thắng đó, đập bàn ép buộc ông H phải trả tiền vì ông H có bằng khoán đất (bà L, chị T thì không còn tài sản gì). Ông H vẫn không đồng ý trả.

Sau đó ông P gây áp lực thì bà L trả cho ông P được 300.000.000 đồng, bà L nói còn 300.000.000 đồng thì quay qua đòi ông H. Ông H không đồng ý trả vì ông H không có mượn tiền của ông P.

Đối với số tiền chị T nợ ông H 300.000.000 đồng thì anh P, bà L có đứng

ra bảo lãnh trả nợ thay cho chị T (có làm Giấy bảo lãnh ngày 24/6/2020). Theo giấy hứa bảo lãnh thời gian là 01 năm (từ ngày 24/6/2020 đến ngày 24/6/2021) tuy nhiên đến nay chị T, bà L, ông P chưa trả cho ông H.

Ông Lâm Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trần Bá P, bà Lâm Thị Ngọc L, chị Huỳnh Ngọc T liên đới trả lại cho ông H tổng số tiền 365.166.672 đồng, trong đó:

+ Tiền gốc: 300.000.000 đồng.

+ Tiền lãi suất 10%/năm tính từ ngày 25/6/2021 đến ngày 15/8/2023 đối với số tiền 300.000.000 đồng là 65.166.672 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 10%/năm tính từ ngày 16/8/2023 đối với số tiền 300.000.000 đồng đến khi ông Trần Bá P, bà Lâm Thị Ngọc L, chị Huỳnh Ngọc T liên đới trả hết nợ.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Ông Lâm Thanh H chỉ yêu cầu chị Huỳnh Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Lâm Thanh H số tiền vay còn nợ là 300.000.000 đồng, yêu cầu tiền lãi chậm trả là 22.244.000 đồng với mức lãi suất là 10%/năm (tính ngày 17/8/2023 đến ngày xét xử) là 8 tháng 28 ngày và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong. Tổng cộng: chị T phải trả cho ông H là 322.244.000 đồng và tiếp tục tính lãi với mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền chậm trả cho đến khi trả tiền xong. Ông H không yêu cầu bà L, ông P có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên với chị T.

Theo lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Bá P trình bày như sau:

Vào ngày 09/6/2020 thì ông P có cho ông H vay số tiền là 300.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng. Đến ngày 24/6/2020 thì ông H vẫn chưa vay nợ Ngân hàng để trả lại cho ông nên ông P có xuống nhà của ông H để làm việc. Tại đây ông H có làm giấy hứa trả tiền số tiền là 300.000.000 đồng. Sau đó ông H nói mẹ của chị T là bà T1 còn nợ ông H số tiền là 300.000.000 đồng vay năm 2017. Nên ông H có đề nghị sẽ yêu cầu chị T trả số tiền này cho ông P, nhưng ông P không đồng ý. Ông P có viết tờ bảo lãnh ngày 24/6/2020 để nhắc chị T có trách nhiệm trả số tiền mà mẹ chị T nợ của ông H. Mục đích viết tờ bảo lãnh là ông P sẽ tiếp ông H thu nợ từ chị T và có ghi rõ trong tờ bảo lãnh là sẽ cùng có trách nhiệm thu nợ chung với ông H và bà L.

Ngày 16/5/2021, ngày 14/7/2021 ông P có đến gặp chị T để nhắc trả nợ cho ông H và chị T có làm giấy hứa trả nợ và ký tên.

Đối với số tiền 300.000.000 đồng mà ông H nợ ông P thì ông P đã khởi kiện bằng vụ kiện khác, đã được tòa án xét xử xong vào tháng 7/2023.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông P không đồng ý. Tại phiên tòa, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông H chỉ yêu cầu chị T có trách nhiệm trả nợ nên ông P không có ý kiến.

Theo lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn bà Lâm Thị Ngọc L trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì bà L không thống nhất. Vào ngày 24/6/2020 thì ông P có viết tờ bảo lãnh, bà L có ký tên, mục đích là để nhắc nợ chị T do mẹ chị T là bà Lâm Thị Ngọc T2, khi còn sống có thiếu nợ ông H số tiền là 300.000.000 đồng. Năm 2017 bà T2 chết, bà T2 có 1 người con là chị T. Chị T có hứa sẽ trả nợ cho ông H phần nợ của bà T2. Do đó bà L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông H. Tại phiên tòa, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông H chỉ yêu cầu chị T có trách nhiệm trả nợ nên bà L không có ý kiến.

Theo lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn chị Huỳnh Ngọc T trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì chị T không thống nhất. Khi còn sống mẹ chị T là bà Lâm Thị Ngọc T2 (bà T2 chết năm 2017) có nợ ông H số tiền là 300.000.000 đồng. Khi vay mượn có thỏa thuận lãi suất hay không thì chị không biết. Chị T thừa nhận đến nay mẹ chị T còn nợ ông H số tiền là 300.000.000 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất của bà T2 gồm có ông Huỳnh Hữu T3 (chồng bà T2) và chị Huỳnh Ngọc T (Con bà T2), ngoài ra không còn ai khác.

Nay chị T đồng ý trả cho ông H số tiền 300.000.000 đồng mà mẹ chị T nợ, đối với số tiền lãi thì chị T không đồng ý. Ngoài ra chị T đồng ý 01 mình trả nợ cho ông H, không yêu cầu ông T3, ông P, bà L có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ cho ông H.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Nguyên đơn ông Lâm Thanh H nộp

- Giấy căn cước công dân bản photo
- 01 Giấy bảo lãnh (Bản photo có đối chiếu bản chính)

Bị đơn ông Trần Bá P nộp:

- Giấy hứa trả nợ ngày 16/5/2021 (bản chính);
- Giấy hứa trả nợ ngày 14/7/2021 (bản chính);

Tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập:

- Biên bản lấy lời khai ông Lâm Thanh H ngày 02/02/2024.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nên không có kiến nghị

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì xác định giữa ông H với chị T có xác lập hợp đồng vay tiền số tiền 300.000.000 đồng vào năm 2017. Chị T xác định đây là khoản nợ của bà T2 (mẹ chị T) nhưng không có căn cứ chứng minh. Tại phiên tòa chị T đồng ý trả số tiền nợ 300.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả tiền lãi chậm trả. Xét thấy, ngày 25/6/2020 chị T, ông P, bà L có làm giấy bảo lãnh, cam kết 01 năm sẽ trả cho ông H, nhưng đến nay không thực hiện, do chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có nghĩa vụ chịu lãi chậm trả theo quy định.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Thanh H yêu cầu anh Trần Bá P, bà Lâm Thị Ngọc L, chị Huỳnh Ngọc T có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là 300.000.000 đồng và lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh” theo quy định tại Điều 336, 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trước đây ông Lâm Thanh H yêu cầu ông Trần Bá P, bà Lâm Thị Ngọc L và chị Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 25/6/2021 cho đến khi trả xong nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông Lâm Thanh H yêu cầu chị Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán số nợ là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính

từ ngày khởi kiện (ngày 17/8/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/5/2024) với số tiền là 22.244.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong, không yêu cầu ông P, bà L có trách nhiệm liên đới.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Lâm Thanh H yêu cầu chị Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán số nợ là 300.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào năm 2017 ông H có cho chị T vay số tiền là 300.000.000 đồng, mục đích để trả nợ. Khi vay không có làm biên nhận. Đến năm 2020 chị T không trả được nợ cho ông H nên anh P, bà L có giấy bảo lãnh để đảm bảo khoản vay, chị T có ký tên vào giấy bảo lãnh. Việc anh P, bà L, chị T ký giấy bảo lãnh để đảm bảo khoản nợ của chị T là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó, xác định ông H và chị T có xác lập hợp đồng vay tiền là có thật. Sau khi vay thì chị T đã không thực hiện đúng việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận và ông H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng chị T vẫn chưa thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T trình bày: đối với số tiền nợ 300.000.000 đồng không phải là chị T vay của ông H mà là khoản nợ của mẹ chị T (bà Lâm Thị Ngọc T2) vay của ông H, hiện nay bà T2 đã chết. Chị T thừa nhận hiện nay bà T2 vẫn còn nợ ông H 300.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Tuy nhiên chị T đồng ý trả số tiền nợ 300.000.000 đồng cho ông H.

Do đó, việc ông Lâm Thanh H yêu cầu chị Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán số nợ là 300.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu của ông H về việc yêu cầu chị T trả số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) tính từ ngày khởi kiện (ngày 17/8/2023) đến ngày xét xử (ngày 15/5/2024) là 08 tháng 28 ngày với số tiền là 22.244.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận vay tiền giữa ông H và chị T không có thỏa thuận về lãi suất cũng như không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán. Tuy nhiên, theo giấy bảo lãnh ngày 20/6/2020 có xác định nghĩa vụ trả nợ của chị T là 01 năm kể từ ngày. Như vậy, bên chậm thực hiện nghĩa vụ phải chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày vi phạm (ngày 21/6/2021). Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 17/8/2023 đến ngày xét xử (ngày 15/5/2024) với số tiền 22.244.000 đồng là phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của chị T với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày nộp đơn khởi

kiện (ngày 17/8/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/5/2024), cụ thể: $0,83\%/tháng \times 08 \text{ tháng} \times 300.000.000 \text{ đồng} = 22.244.000 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Chị T có trách nhiệm trả cho ông H số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 22.244.000 đồng, tổng số tiền là 322.244.000 đồng.

[5] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên chị T phải chịu 16.112.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ($322.244.000 \text{ đồng} \times 5\%$).

Ông Lâm Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 9.129.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004533 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Các Điều 336, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Thanh H.

Buộc chị Huỳnh Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Lâm Thanh H số tiền 322.244.000 đồng (Ba trăm hai mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Chị Huỳnh Ngọc T phải chịu 16.112.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lâm Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 9.129.000 đồng theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004533 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa